

Số: 19 /GPMT-XDMT

Nghệ An, ngày 19 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KKT ĐÔNG NAM NGHỆ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban quản lý KKT Đông Nam Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ủy quyền Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam thực hiện một số nhiệm vụ về lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét Văn bản số 06062025/DHNA ngày 06/6/2025 của Công ty TNHH DE Heus về việc đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường cho dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi - Công ty TNHH DE Heus – Chi nhánh Nghệ An tại Khu C, KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH DE Heus, địa chỉ trụ sở chính tại: Lô A4, KCN Hòa Phú, ấp Phước Hòa, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi – Công ty TNHH DE Heus – Chi nhánh Nghệ An tại Khu C, KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi – Công ty TNHH DE Heus – Chi nhánh Nghệ An.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu C, KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Số 6580230279 do Ban quản lý KKT Đông Nam cấp chứng nhận lần đầu ngày 03/03/2015, chứng nhận điều chỉnh lần 5 ngày 21/2/2024.

1.4. Mã số thuế: 3701091716.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thức ăn chăn nuôi;

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích đất sử dụng: 37.000m².

- Quy mô của dự án: Dự án thuộc nhóm B căn cứ theo khoản 2 điều 10 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Dự án có tiêu chí môi trường tương đương dự án Nhóm III theo Phụ lục IV Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ theo mục a khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh.

- Công suất thiết kế: 449.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất: Nguyên liệu (Ngũ cốc và nguyên liệu khác) → Bồn chứa nguyên liệu → Nghiền → Trộn → Ép viên → Bồn thành phẩm → Đóng bao → Nhập kho thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH DE Heus.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH DE Heus có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy

định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban quản lý KKT Đông Nam Nghệ An, UBND huyện Nghi Lộc nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Trong quá trình hoạt động sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguyên, nhiên, vật liệu và hóa chất đầu vào; Không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường, khuyến khích xây dựng và triển khai chương trình kiểm toán môi trường, kiểm toán năng lượng nội bộ.

2.7. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng nâng cấp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng được yêu cầu trong công tác bảo vệ môi trường. Trong trường hợp các biện pháp, giải pháp bảo vệ môi trường theo đề xuất không đáp ứng được yêu cầu trong công tác bảo vệ môi trường, Chủ đầu tư có trách nhiệm áp dụng các giải pháp, biện pháp bổ sung để đáp ứng được yêu cầu trong công tác bảo vệ môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Đến ngày 01/07/2032.

Giấy phép này thay thế Giấy phép môi trường số 19/GPMT-TNMT ngày 16/12/2022 của Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An.

Điều 4. Giao Phòng Xây dựng và Môi trường, Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Trưởng Ban (để b/c);
- Các Phó trưởng Ban;
- UBND huyện Nghi Lộc;
- Các phòng: XDMT, KHĐT;
- Công ty TNHH MTV ĐTPT hạ tầng NA;
- Công ty TNHH DE Heus;
- Trang TTĐT Ban QL KKT Đông Nam;
- Lưu: VT, HS(Huê).

(Chữ ký)

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-XDMT ngày 19/6/2025 của Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu B, KCN Nam Cẩm, không xả trực tiếp ra môi trường).
- Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 09/HĐ-DVTN ngày 05/11/2016 với Ban quản lý dự án Khu kinh tế Nghệ An (Đơn vị quản lý thoát nước Khu công nghiệp Nam Cẩm).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ hoạt động ăn ca, rửa tay chân, tắm rửa: qua song chắn rác, thu gom bằng các đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung nội bộ của nhà máy;
- Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung nội bộ của Nhà máy;
- Nước thải từ hệ thống làm mềm nước cấp cho lò hơi và xử lý khí thải lò hơi: Được xử lý tách lắng, tái sử dụng tuần hoàn, phần còn lại hoặc định kỳ thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung nội bộ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hệ thống xử lý nước thải nội bộ dự án được sử dụng là hệ thống xử lý sinh học.

Nước thải từ dự án → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Lọc áp lực → Đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Cẩm để tiếp tục xử lý.

Nước thải sau khi xử lý đạt yêu cầu đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu B, KCN Nam Cẩm trước khi đầu nối để tiếp tục xử lý.

- Công suất thiết kế: 35 m³/ngày;
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vi sinh, nước Javen.

- Tọa độ điểm đầu nổi nước thải (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

$$X(m) = 2.082.196;$$

$$Y(m) = 596.769$$

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động và liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: Khi 1 thiết bị trong hệ thống có lỗi xuất hiện, tùy theo mức độ mà hệ thống sẽ cảnh báo bằng chuông, bằng đèn vàng;

- Sự cố phòng ngừa, ứng phó cháy nổ: Kiểm tra thường xuyên các hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống thông tin, báo động... để kịp thời phát hiện các hỏng hóc và các phương tiện thiết bị không đủ số lượng, chất lượng; Kịp thời bổ sung, cấp mới các phương tiện phòng cháy chữa cháy đã hư hỏng để đảm bảo tất cả các công trình đều phải có phương tiện cấp nước cứu hỏa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ Điểm g Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1 Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi thải vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Cẩm;

3.2. Vận hành công trình xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật; điểm xả thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải;

3.3. Trường hợp nếu có sự cố bất thường về công trình xử lý nước thải, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Ban Quản lý KKT Đông Nam, Đơn vị quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải tập trung KCN Nam Cẩm để chỉ đạo, giải quyết.

8

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-XDMT ngày 19/6/2025 của Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải phát sinh từ Lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt Biomass.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

Vị trí xả thải có tọa độ (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi giờ 3°):

$$X(m) = 2.082.011;$$

$$Y(m) = 596.779$$

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong quá trình sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Quy chuẩn áp dụng: Theo QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ – Cột B.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Mạng lưới thu gom, xử lý bụi: Sử dụng thiết bị lọc bụi tay áo để không chế các bụi hạt khô; Sử dụng các cyclone lắng bụi để xử lý bụi tại các công đoạn phát sinh bụi trong quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Mạng lưới thu gom khí thải Lò hơi: Khí thải phát sinh tại buồng đốt, dẫn bằng ống dẫn đưa đến hệ thống xử lý.

1.2. Công trình xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Bụi, khí thải từ Lò hơi → Chụp hút → Cyclone tổ hợp → Hệ thống hấp thụ bụi bằng phương pháp ướt (sử dụng màng nước) → Ống thải → Thoát ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.2. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn, khi vận hành lò hơi.

1.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị đo	QCVN19:2009 /BTNMT, Cột B ($K_v=1,4; K_p=0,9$)	Quan trắc môi trường định kì	Quan trắc môi trường tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ Điểm g Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép tại Mục A phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

- Vận hành công trình xử lý khí thải đúng quy trình kỹ thuật; bố trí lỗ thăm phù hợp, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải;

- Trường hợp nếu có sự cố bất thường về công trình xử lý khí thải, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Ban quản lý KKT Đông Nam Nghệ An, Công ty TNHH MTV ĐTPT hạ tầng NA để chỉ đạo, giải quyết.

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-XDMT ngày 19/6/2025
của Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại:**

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình dự án đi vào hoạt động bao gồm: Dầu mỡ thải, dẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, acqui hỏng, hộp mực in... với khối lượng khoảng 2.500 kg/năm (tương đương 10 kg/ngày).

1.2. Khối lượng, chứng loại chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bao gồm thực phẩm thừa (rau, quả,...), giấy vụn, bìa carton, túi nilon,... với khối lượng khoảng 26 tấn/năm (tương đương 66kg/ngày).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Thành phần bao gồm: Vỏ bao bì, phế phẩm, nguyên liệu rơi vãi, tro xỉ lò hơi....

Khối lượng phát sinh: Tro thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi với khối lượng 9 tấn/năm; Các chất thải còn lại phát sinh với khối lượng 320 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại****2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

Được lưu chứa vào các thùng phi (bằng nhựa), mỗi loại được lưu chứa vào các thùng chứa riêng, có dán nhãn biển báo chất thải nguy hại theo mã chất thải nguy hại.

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 20,4 m²;

- Thiết kế cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Kho được xây bằng gạch dày 20 cm, có biển báo trong kho và ngoài kho, mái che bằng tôn, cửa và nền được lát gạch, có gờ chống tràn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường**2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, lưu vào các thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa khoảng 15 kg/thùng, có lót túi và có màu xanh, dán nhãn và được bố trí tại phòng ban, bộ phận. Hàng ngày, chất thải rắn sinh hoạt được chuyển về tập kết ở khu vực lưu giữ của nhà máy, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

- Tro thải từ hệ thống lò hơi, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được tập kết tại khu vực có mái che, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

- Chất thải rắn tái chế được thu gom, phân loại tại nguồn. Hàng ngày, chất thải rắn tái chế được chuyển về kho lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 40,8 m²;

- Thiết kế cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: kho được xây bằng gạch dày 20 cm, có biển báo, mái che bằng tôn, cửa và nền được lát gạch.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

Cơ sở không có hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải phát sinh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng quy trình vận hành, quản lý hệ thống các công trình xử lý chất thải (nước thải, khí thải); vận hành thiết bị đúng quy trình, thao tác và định lượng các hóa chất sử dụng theo khuyến nghị và hướng dẫn;

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý chất thải, kịp thời phát hiện và khắc phục khi sự cố xảy ra;

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân, cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải thu gom, quản lý chất thải thông thường, chất thải nguy hại;

- Lắp đặt, trang bị hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị. Xây dựng phương án ứng phó và phối hợp với cảnh sát phòng cháy chữa cháy khu vực để kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra./.